

Bản án số: 595/2018/LĐ-ST
Ngày: 15/5/2018
V/v Tranh chấp đòi tiền lương
và bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hải.
Bà Huỳnh Thị Ngọc Vi.

Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 5 năm 2018 và ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Lao động sơ thẩm thụ lý số 01/LĐST ngày 06 tháng 01 năm 2014 về: “Tranh chấp đòi tiền lương và bồi thường thiệt hại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1649/2018/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Nguyễn Vương B. Sinh năm 1979.

Địa chỉ: 175/11 Đường P, phường H, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: C0903 Chung cư T, 53 đường S, phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Kim Minh T là Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 20/C2 Đường H, phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty P tại Singapore.

Địa chỉ: 138 C, C C, Singapore.

Và địa chỉ: 7 T B #, Singapore.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng Đại diện P.

Địa chỉ: 17 Võ Văn Tần, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty F (F).

Địa chỉ: 124 đường C, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn M. Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Công Đ. Trưởng phòng Đối ngoại.

(Theo Giấy ủy quyền số 1029/GUQ-F-VP ngày 07/11/2017).

Tại phiên tòa Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt, Đại diện theo ủy quyền của Công ty F có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn tại Tòa án, ông Trịnh Nguyễn Vương B trình bày:

Nguyên từ ngày 01/7/2008, ông được Công ty P tuyển dụng vào làm việc tại Văn phòng Đại diện P (gọi tắt là VPĐD P). Theo Hợp đồng số 05-08 ngày 01/7/2008. Loại hợp đồng không xác định thời hạn. Trong hợp đồng có ghi thời gian thử việc từ ngày 01/7/2008 đến ngày 30/8/2008, quá trình thử việc nếu không có gì thay đổi thì hợp đồng này đương nhiên trở thành hợp đồng không xác định thời hạn. Nhiệm vụ của ông là Lập trình viên và Trưởng nhóm Công nghệ thông tin. Mức lương: 750 USD/1tháng, thời điểm ký hợp đồng lao động. Từ ngày 01/3/2011 mức lương của ông được tăng lên 1.000 USD/1tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Từ ngày 01/7/2008 đến ngày 01/02/2012 ông làm việc bình thường. Đến ngày 08/02/2012 Công ty ủy quyền cho ông Đặng Tân Phú thông báo bằng miệng với ông là Văn phòng Công ty đã chấm dứt hoạt động vào ngày 05/02/2012. Trên thực tế Văn phòng vẫn hoạt động bình thường, nhưng hoạt động chui, vẫn tuyển dụng và trả lương cho người lao động, nhưng trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động. Giấy phép hoạt động của Văn phòng Công ty đã hết hạn vào ngày 05/02/2012.

Đến ngày 09/02/2012 Công ty giao cho ông 01 thư nội dung Thông báo rằng ông vi phạm kỷ luật lao động và kết thúc hợp đồng lao động do bà Tan Seok Bee vừa là Giám đốc điều hành vừa là Trưởng Văn phòng đại diện ký văn bản này. Hiện nay Công ty chỉ trả lương cho ông đến hết tháng 12/2011, còn nợ lương tháng 01/2012 và lương tháng 02/2012.

Trong quá trình lao động, ông được biết VPĐD P có ký hợp đồng dịch vụ với Công ty F (tên Công ty viết tắt: F, mã số doanh nghiệp: 0300540207, địa chỉ trụ sở chính: Số 124 đường C, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện dịch vụ thu và nộp bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho người lao động của P làm việc tại VPĐD P.

Tuy nhiên, từ tháng 11/2009 P đã không thực hiện nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông.

Đến cuối tháng 02/2012, P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông. Do đó, ông đã nộp đơn khởi kiện P ra Tòa, yêu cầu Tòa xử buộc P phải chi trả tiền lương, tiền vi phạm thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tiền bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tiền trợ cấp thôi việc, truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông gồm các khoản sau:

1. Tiền lương tháng 01/2012, 02/2012 là 1.000 USD x 2 = 2000 USD.

2. Tiền vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là $1.000 \text{ USD} \times 26 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 1.730,769 \text{ USD}$.

3. Tiền thưởng tháng 13/2011 là 1.000 USD.

4. Trả trợ cấp thôi việc, một năm làm việc nửa tháng lương từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/12/2008 là 0,5 năm số tiền phải trả là $1.000 \times 0,5 \times \frac{1}{2} = 250 \text{ USD}$.

5. Tiền phép năm 15,6 ngày phép số tiền là $1.000 \text{ USD}/26 \text{ ngày} \times 15,6 \text{ ngày} = 600 \text{ USD}$.

6. Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $1.000 \text{ USD} \times 02 \text{ tháng} = 2.000 \text{ USD}$.

7. Tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp khi ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ 11/2009 đến nay: 60% lương bình quân của 06 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi nghỉ việc trong vòng 06 tháng $60\% \times 1.000 \text{ USD} \times 06 = 3.600 \text{ USD}$.

8. Tiền trợ cấp BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2012 là 6.827,5 USD, tiền phạt chậm đóng BHXH và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tổng cộng các khoản là 18.008,269 USD tương đương 375.472.423 đồng. (1 USD = 20.850 VNĐ) và tiền lãi chậm trả, số tiền phạt, lãi suất do việc chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy, việc giải quyết yêu cầu về truy đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông có liên quan đến F là đơn vị thực hiện dịch vụ thu và nộp BHXH, BHYT, BHTN cho VPDD P, do đó ông đề nghị đưa Công ty F (F) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Công ty F (F) có lời khai trình bày:

Tại Công văn số 971/F-TTLĐ ngày 16/8/2012 của F, F xác định đang giữ của VPDD P số tiền là 735.025.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bao gồm ngày 18/11/2011 Văn Phòng Công ty chuyển vào tài khoản F số tiền 419.800.000 đồng và ngày 22/12/2011 Văn phòng Công ty tiếp tục chuyển tiếp vào tài khoản của F số tiền 315.225.000 đồng. F có mời Đại diện Văn phòng đến F làm việc để giải quyết công nợ và chốt sổ BHXH cho nhân viên nhưng văn phòng không đến làm việc. Hiện số tiền này đang treo tại tài khoản của F.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Luật sư của nguyên đơn và nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Vương B đề nghị:

Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện sau đây:

Đề nghị Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản sau:

1. Tiền lương tháng 01/2012, đến ngày 05/02/2012 là $1.000 \text{ USD} \times 5 : 26 = 192,307 \text{ USD}$.

2. Tiền vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là $1.000 \text{ USD} \times 26 \text{ ngày} \times 45 \text{ ngày} = 1.730,769 \text{ USD}$.

3. Trả trợ cấp thôi việc, một năm làm việc nửa tháng lương từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/12/2008 là 0,5 năm số tiền phải trả là $1.000 \times 0,5 \times \frac{1}{2} = 250 \text{ USD}$.

4. Tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN và tiền lãi của số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Luật sư của nguyên đơn và nguyên đơn rút các yêu cầu sau:

1. Tiền thưởng tháng 13/2011 là 1.000 USD.

2. Tiền phép năm 15,6 ngày phép số tiền là $1.000 \text{ USD} / 26 \text{ ngày} \times 15,6 \text{ ngày} = 600 \text{ USD}$.

3. Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: $1.000 \text{ USD} \times 02 \text{ tháng} = 2.000 \text{ USD}$.

4. Tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp khi ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ 11/2009 đến nay: 60% lương bình quân của 06 tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp trước khi nghỉ việc trong vòng 06 tháng $60\% \times 1.000 \text{ USD} \times 6 = 3.600 \text{ USD}$.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Công ty P và Công ty F (F) thanh toán tiền lương còn thiếu, tiền vi phạm thời hạn báo trước, tiền trợ cấp thôi việc và tiền đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến ngày 05/2/2012 theo mức lương 1.000 USD/tháng.

Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền thưởng, tiền phép, tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp đòi tiền lương và bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời bị đơn có trụ sở tại nước ngoài, và hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ tại Thành phố

Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điều 37; Điều 38 của Bộ luật tổ tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hai lần ủy thác tư pháp cho bị đơn là Công ty P tại Singapore thông qua Đại diện Cơ quan Ngoại giao của Việt Nam tại Singapore bằng ủy thác tư pháp số 557/TTTPDS-TLĐ ngày 01/6/2016; lần hai số 1159/TTTPDS-TLĐ ngày 24/10/2016 và đã nhận được các Công văn số 3048/BTP-PLQT ngày 19/7/2016 và Công văn số 6264/BTP-PLQT ngày 30/12/2016 về việc thực hiện ủy thác tư pháp của Bộ Tư pháp gửi Cục Lãnh Sự Bộ ngoại giao Việt Nam tại Singapore.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định pháp luật và theo đề nghị của nguyên đơn Tòa án đưa Công ty F (tên công ty viết tắt: F, mã số doanh nghiệp: 0300540207, trụ sở: Số 124 Đường C, phường E, Quận C, TPHCM) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã yêu cầu Sở Công Thương là cơ quan cấp giấy phép hoạt động cho các Văn phòng Đại diện của nước ngoài tại Việt Nam cung cấp thông tin pháp lý liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện. Ngày 08/8/2017 Sở Công Thương có Công văn số 7559/SCT-TTTNNN về việc cung cấp thông tin Văn phòng Đại diện P. Tại Việt Nam được biết giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện đã hết hạn ngày 05/02/2012. Thương nhân nước ngoài không làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định và cũng chưa thực hiện các thủ tục hành chính theo yêu cầu.

Do đó Hội đồng xét xử xác định bị đơn là Công ty P tại Singapore và Văn phòng Đại diện P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Xét Hợp đồng lao động đã được ký kết ngày 01/7/2008 giữa một bên là bà Tan Siok B, chức vụ chief representative, đại diện cho The Rro of P và một bên là ông Trịnh nguyên Vương B thì đây là một văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng lao động. Kèm theo Thư bổ nhiệm ngày 16/6/2008 thì ông Trịnh nguyên Vương B được bổ nhiệm là Lập trình viên kiêm Trưởng nhóm của P với mức lương 750 USD/1tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông B đã thực hiện tốt nghĩa vụ của người lao động, do đó ngày 20/3/2011 ông B được tăng lương lên mức 1.000 USD/1tháng.

Ngày 09/3/2012 Luật sư thuộc Công ty Luật N là bà Lê Thị Thu H theo giấy ủy quyền của Văn phòng công ty ngày 02/3/2012 đã giao văn bản: “Sự vi phạm và kết thúc hợp đồng”, trong đó thể hiện Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngay lập tức với ông Trịnh Nguyên Vương B.

Như vậy, đến ngày 09/3/2012 Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông B.

Căn cứ Điều 38 của Bộ luật lao động thì Công ty P đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm điểm a Khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động cần phải buộc người sử dụng lao động thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của bộ luật lao động.

Xét yêu cầu của người lao động về tiền lương:

Căn cứ vào sổ phụ khách hàng (BL41-42) thì Công ty mới trả lương cho ông B đến hết tháng 12/2011. Như vậy, theo yêu cầu khởi kiện của ông B thì Công ty còn nợ của ông B tiền lương của tháng 01 và 05 ngày của tháng 02/2012. Yêu cầu này của ông B là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tiền vi phạm thời hạn báo trước:

Đúng là Công ty đã vi phạm thời hạn báo trước nên theo Khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động Công ty phải bồi thường cho người lao động một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước.

Về trợ cấp thôi việc:

Theo Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì ông B vào làm việc ngày 01/7/2008 đến ngày 31/12/2008. Do đó, thời hạn được tính trợ cấp thôi việc cho ông B là 06 tháng tương đương với 1/4 tháng lương là 250 USD. Vì vậy, yêu cầu về tính trợ cấp thôi việc của ông B là có cơ sở và được chấp nhận.

Về đóng BHXH, BHYT và BHTN:

Từ ngày 01/11/2009 đến ngày 05/02/2012 Công ty không đóng BHXH, BHYT; BHTN cho ông B. Do đó, Công ty phải tiếp tục đóng BHXH; BHYT; BHTN cho ông B theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông B vẫn phải đóng tiền BHXH; BHYT; BHTN theo quy định, Công ty phải chốt sổ BHXH đến ngày 05/02/2012 và trả sổ BHXH cho ông B.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Trịnh Nguyễn Vương B tự nguyện rút các yêu cầu khởi kiện gồm:

Tiền thưởng tháng 13/2011 là 1.000 USD; Tiền phép năm số tiền là 600 USD; Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 2.000 USD; Tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp khi ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến nay: 3.600 USD.

Xét việc rút yêu cầu của ông B là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện đã rút của ông Trịnh Nguyễn Vương B.

Như vậy, số tiền ông B được hưởng gồm:

- Lương tháng 01/2012 và 05 ngày của tháng 02/2012: 1.000 USD + 192,3 = 1.192,3 USD.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày: 1.000 USD x 45 : 26 = 1.730,76 USD.

- Tiền trợ cấp thôi việc tính tròn 06 tháng = 1/4 tháng lương là: 250 USD.

Tổng số tiền là: 3.423,06 USD. Số tiền này quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 05/02/2012 là: (1 USD = 20.850 VNĐ) 3.173,06 x 20,850 = 66.158.300 đồng.

Số tiền lãi được tính từ ngày 05/02/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/5/2018 của số tiền 66.158.300 đồng, số tiền lãi là: 37.050.441 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 103.208.741 đồng.

Theo lời khai của Công ty F (F):

Công ty còn giữ của P số tiền là 735.025.000 đồng, do đó cần phải buộc Công ty F (F) trích trả để thanh toán trực tiếp cho ông Trịnh Nguyễn Vương B theo quy định.

Về tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cần buộc Văn phòng Đại diện P và ông Trịnh Nguyễn Vương B phải đóng cho cơ quan BHXH có thẩm quyền theo quy định của pháp luật theo mức lương 1.000 USD/1tháng. Nếu Văn phòng Đại diện P không thực hiện thì Công ty F (F) có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, từ tháng 01/2012 đến hết ngày 05/02/2012 theo quy định.

Về án phí: Công ty P phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 3.096.262 đồng.

Ông Trịnh Nguyễn Vương B không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32; Điều 37; Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 38; Điều 42 của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Vương B về việc buộc Công ty P phải có trách nhiệm trả ông Trịnh Nguyễn Vương B các khoản tiền sau:

- Tiền lương của tháng 01/2012 và 05 ngày của tháng 02/2012; tiền trợ cấp thôi việc; tiền vi phạm thời hạn báo trước và các khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày 05/02/2012 đến ngày 15/5/2018 là 3.423,06 USD. Số tiền quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 05/02/2012 là: (1 USD = 20.850 VNĐ) $3.173,06 \times 20,850 = 66.158.300$ đồng.

Số tiền lãi được tính từ ngày 05/02/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/5/2018 là 37.050.441 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 103.208.741 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Trịnh Nguyễn Vương B về việc ông Trịnh Nguyễn Vương B tự nguyện rút một phần các yêu cầu khởi kiện về các khoản sau: Tiền thưởng tháng 13/2011 là 1.000 USD; Tiền phép năm số tiền là 600 USD; Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 2.000 USD; Tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp khi ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến nay là 3.600 USD.

3. Buộc Công ty P cùng với Văn phòng Đại diện P và ông Trịnh Nguyễn Vương B phải đóng cho cơ quan BHXH có thẩm quyền theo quy định của pháp luật theo mức lương 1.000 USD/1tháng. Nếu Công ty và Văn phòng Đại diện P không thực hiện, thì Công ty F (F) có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền từ tháng 01/2012 đến hết ngày 05/02/2012 theo quy định. Công ty và Văn phòng Đại diện P có trách nhiệm chốt sổ BHXH cho đến ngày 05/02/2012 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Trịnh Nguyễn Vương B.

4. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty P không tự nguyện thi hành thì Công ty F (F) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền trên là 103.208.741 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng) cho ông Trịnh Nguyễn Vương B. Đồng thời Công ty F (F) có trách nhiệm trích nộp số tiền Công ty F (F) còn giữ của Công ty P để nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

Nếu Công ty F (F) không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời hạn chưa thi hành án.

5. Án phí Lao động sơ thẩm:

Công ty P phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 3.096.262 đ (Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

Ông Trịnh Nguyễn Vương B không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
 - Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM (1);
 - Viện kiểm sát NDTPHCM (2);
 - Cục THA Dân sự TP.HCM (1);
 - Các đương sự (5);
 - Lưu (15).
- Tổng cộng: 25b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay hồi 08 giờ, ngày 15 tháng 5 năm 2018.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hải.
Bà Huỳnh Thị Ngọc Vi.

Đã tiến hành nghị án vụ án Dân sự sơ thẩm đã thụ lý số 01/LĐST ngày 06 tháng 01 năm 2014 về: “Tranh chấp đòi tiền lương và bồi thường thiệt hại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1649/2018/QĐXXST-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Nguyễn Vương B. Sinh năm 1979.
Địa chỉ: 175/11 Đường P, phường H, Quận E, TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: C0903 Chung cư Phú Thạnh, 53 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Kim Minh T là Luật sư của Văn phòng Luật sư Minh T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 20/C2 Đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty P tại Singapore.

Địa chỉ: 138 Cecil street, # 18-00 Cecil Court, Singapore 069538.

Và địa chỉ: 7 Temasek Boulevard # 29 - 04 Suntec Tower one, Singapore 038987.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng Đại diện P.

Địa chỉ: 17 Võ Văn Tần, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty F (F).

Địa chỉ: 124 Đường C, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn M. Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Công Đ. Trưởng phòng Đối ngoại.

(Theo Giấy ủy quyền số 1029/GUQ-F-VP ngày 07/11/2017).

Tại phiên tòa Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt, Đại diện theo ủy quyền của Công ty F có mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 32; Điều 37; Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 38; Điều 42 của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Vương B về việc buộc Công ty P Corporation Pte. Ltd phải có trách nhiệm trả ông Trịnh Nguyễn Vương B các khoản tiền sau:

- Tiền lương của tháng 01/2012 và 05 ngày của tháng 02/2012; tiền trợ cấp thôi việc; tiền vi phạm thời hạn báo trước và các khoản tiền lãi của số tiền này từ ngày 05/02/2012 đến ngày 15/5/2018 là 3.423,06 USD. Số tiền quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm ngày 05/02/2012 là: (1 USD = 20.850 VNĐ) 3.173,06 x 20,850 = 66.158.300 đồng.

Số tiền lãi được tính từ ngày 05/02/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/5/2018 là 37.050.441 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 103.208.741 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Trịnh Nguyễn Vương B về việc ông Trịnh Nguyễn Vương B tự nguyện rút một phần các yêu cầu khởi kiện về các khoản sau: Tiền thưởng tháng 13/2011 là 1.000 USD; Tiền phép năm số tiền là 600 USD; Tiền bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 2.000 USD; Tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp khi ông không được tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 11/2009 đến nay là 3.600 USD.

3. Buộc Công ty P Corporation Pte LTd cùng với Văn phòng Đại diện P Corporation Pte. Ltd và ông Trịnh Nguyễn Vương Bình phải đóng cho cơ quan BHXH có thẩm quyền theo quy định của pháp luật theo mức lương 1.000 USD/1tháng. Nếu Công ty và Văn phòng Đại diện P Corporation Pte. Ltd không thực hiện, thì Công ty F (F) có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền từ tháng 01/2012 đến hết ngày 05/02/2012 theo quy định. Công ty và Văn phòng Đại diện P Corporation Pte Ltd có trách nhiệm chốt sổ BHXH cho đến ngày 05/02/2012 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Trịnh Nguyễn Vương B.

4. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty P Corporation Pte. Ltd không tự nguyện thi hành thì Công ty F (F) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền trên là 103.208.741 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm lẻ tám nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng) cho ông Trịnh Nguyễn Vương B. Đồng thời Công ty F (F) có trách nhiệm trích nộp số tiền Công ty F (F) còn giữ của Công ty P Corporation Pte Ltd để nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

Nếu Công ty F (F) không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời hạn chưa thi hành án.

5. Án phí Lao động sơ thẩm:

Công ty P Corporation Pte. Ltd phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 3.096.262 đ (Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

Ông Trịnh Nguyễn Vương B không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Biên bản kết thúc hồi 09 giờ cùng ngày, mọi người đọc biên bản nhất trí và ký tên. Biểu quyết 3/3 =100%.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Hải Huỳnh Thị Ngọc Vi Nguyễn Văn Xuân